

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIÊU CHÍ THI ĐUA CỤM 1 ĐẾN CỤM 6 (các cơ sở GDDH, CDSP trực thuộc Bộ)
(kèm theo công văn số 32 /BGDDT-TĐKT ngày tháng 5 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	TIÊU CHÍ THI ĐUA THEO 9 NHIỆM VỤ, 5 GIẢI PHÁP	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị cung cấp minh chứng
1	Nhiệm vụ 1: Rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị		100	Phòng Tổ chức cán bộ
1.1	Xây dựng đề án sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc	Quyết định phê duyệt Đề án; quyết định thực hiện sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo đề án được duyệt.	40	
1.2	Xây dựng đề án vị trí việc làm	Quyết định phê duyệt đề án VTVL và kết quả thực hiện.	40	
1.3	Nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị	Báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy, nhân sự (tinh gọn bộ máy, tinh giản số người làm việc).	20	
2	Nhiệm vụ 2: Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục		100	Phòng Tổ chức cán bộ
2.1	Công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo: - Quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện. - Triển khai nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo	- Văn bản hướng dẫn/tổ chức triển khai thực hiện; - Kế hoạch phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo. - Kế hoạch và kết quả thực hiện các nhiệm vụ/công việc nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo - Kết quả xử lý vi phạm đạo đức nhà giáo (nếu có).	20	
2.2	Công tác tuyển dụng, sử dụng, tinh giản; quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý; thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh cho đội ngũ giảng viên: - Thực hiện công tác rà soát, tuyển dụng đảm bảo số lượng theo định mức và chất lượng, đảm bảo tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ. - Thực hiện chế độ làm việc của giảng viên. - Thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục các cấp trong nhà trường. - Thực hiện thi/xét thăng hạng cho giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Kế hoạch tuyển dụng và kết quả xử lý khiếu kiện về tuyển dụng (nếu có); - Các quy định số lượng giảng viên cơ hữu, trình độ chuyên môn của giảng viên cơ hữu mỗi ngành. - Kế hoạch giảng dạy, kế hoạch đào tạo đội ngũ giảng viên; - Phân công giảng dạy, hướng dẫn Thạc sĩ, Tiến sĩ, giao đề tài nghiên cứu khoa học. - Quyết định phê duyệt quy hoạch cán bộ quản lý của cấp có thẩm quyền; - Kết quả bổ nhiệm cán bộ quản lý trong năm học.	20	

STT	TIÊU CHÍ THI ĐUA THEO 9 NHIỆM VỤ, 5 GIẢI PHÁP	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị cung cấp minh chứng
		- Kế hoạch và kết quả thi/xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh cho giảng viên.		
2.3	Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	- Kế hoạch và kết quả bồi dưỡng; Danh sách cán bộ quản lý được cử đi dự các lớp/khóa đào tạo, tập huấn do cấp trên tổ chức.	20	
2.4	Thực hiện chế độ chính sách về lương, phụ cấp theo lương, chính sách đãi ngộ; tôn vinh giảng viên giỏi, giảng viên có cống hiến xuất sắc: - Thực hiện các quy định về lương, phụ cấp theo lương - Thực hiện chính sách tài chính, chính sách ưu đãi riêng phù hợp với quy định. - Thực hiện xét tiêu chuẩn, bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư theo quy định. - Tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đầy đủ ý kiến, kiến nghị của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên về chế độ chính sách.	- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; Kết quả thực hiện quy định về lương, phụ cấp theo lương; - Các chính sách tài chính, chính sách ưu đãi riêng phù hợp với quy định (nếu có). - Kết quả thực hiện quy trình bổ nhiệm Giáo sư, Phó Giáo sư - Kết quả xử lý khiếu kiện kéo dài của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên về chế độ chính sách (nếu có).	20	
2.5	Đánh giá giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý theo quy định của Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức.	- Văn bản chỉ đạo/hướng dẫn/triển khai đánh giá đội ngũ theo Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức. - Kết quả thực hiện đánh giá đội ngũ kèm theo các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;	20	
3	Nhiệm vụ 3: Nâng cao chất lượng đào tạo; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho sinh viên, bảo đảm an toàn trường học		550	
3.1	Nâng cao chất lượng đào tạo		200	Phòng Đào tạo đại học
3.1.1	Đào tạo theo tín chỉ đối với các chương trình, các trình độ đào tạo; giải pháp cải tiến nâng cao hiệu quả	- Quy định về đào tạo theo tín chỉ của trường; - Cải tiến công tác quản lý đào tạo, tổ chức dạy và học theo tín chỉ	40	
3.1.2	Xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo theo hướng phát triển năng lực người học và nhu cầu xã hội;	Quyết định ban hành, điều chỉnh chương trình đào tạo mới trong năm đánh giá	40	
3.1.3	Tỷ lệ giảng viên là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu cao hơn năm trước	Thống kê về đội ngũ giảng viên cơ hữu	40	

STT	TIÊU CHÍ THI ĐUA THEO 9 NHIỆM VỤ, 5 GIẢI PHÁP	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị cung cấp minh chứng
3.1.4	Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo năng lực đào tạo theo quy định hiện hành và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh hiệu quả, đúng thông tin đã công bố	Báo cáo điều kiện xác định chỉ tiêu và kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh	40	
3.1.5	Tỷ lệ việc làm trong 12 tháng tốt nghiệp của sinh viên đại học chính quy	Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong 12 tháng tốt nghiệp và minh chứng	40	
3.2	Nâng cao chất lượng NCKH	Vụ Thi đua – Khen thưởng xin đề xuất các tiêu chí lớn trong văn bản hướng dẫn các tiêu chí nhỏ cụ thể lưu tại đơn vị khi chấm điểm sẽ đối chiếu thang điểm cụ thể của đơn vị.	200	Phòng Khoa học và Quan hệ quốc tế
3.2.1	Xây dựng chiến lược khoa học công nghệ trung hạn, kế hoạch khoa học công nghệ hàng năm; triển khai văn bản chỉ đạo về khoa học công nghệ của Bộ/ngành.	- Chiến lược khoa học công nghệ trung hạn, kế hoạch khoa học công nghệ hàng năm của đơn vị (20 điểm). - Các văn bản của đơn vị triển khai chỉ đạo của Bộ/ngành về hoạt động khoa học công nghệ (20 điểm).	40	
3.2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp của đơn vị và công bố trên website của đơn vị.	- Danh mục các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp (tên nhiệm vụ, chủ nhiệm đề tài, thời gian thực hiện, nội dung, sản phẩm, kinh phí) đang thực hiện (15 điểm), đã nghiệm thu (15 điểm), đã thanh lý được cập nhật hàng năm và được công bố công khai trên website của đơn vị (10 điểm).	40	
3.2.3	- Số lượng bài báo ISI, ESCI, Scopus được đăng trong năm học và số lượng bài báo ISI, ESCI, Scopus tăng so với năm học trước; - Số sách chuyên khảo được xuất bản trong năm học và số lượng sách chuyên khảo tăng so với năm học trước. - Số lượng nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu hoặc bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của các đề tài, dự án, chương trình, nhiệm vụ KH&CN và tăng so với năm học trước.	- Số lượng bài báo ISI, ESCI, scopus được đăng trong năm học và năm học trước. Danh mục các bài báo ISI, ESCI, Scopus được đăng trong năm học và năm học trước kèm theo đường link các bài báo được đăng trong năm học và năm học trước (15 điểm). - Danh mục các sách chuyên khảo của năm học và năm học trước (10 điểm). - Danh sách các nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu hoặc bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của các đề tài, dự án, chương trình, nhiệm vụ KHCN có minh chứng kèm theo và có so sánh số liệu với năm học trước (15 điểm).	40	
3.2.4	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia mở mới	- Quyết định phê duyệt hoặc văn bản thông báo của Bộ	40	

STT	TIÊU CHÍ THI ĐUA THEO 9 NHIỆM VỤ, 5 GIẢI PHÁP	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị cung cấp minh chứng
	- Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học, các giải thưởng về khoa học công nghệ cấp Bộ và tương đương trở lên trong năm học, giải thưởng quốc tế về khoa học công nghệ - Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung với nước ngoài, thỏa thuận hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ và hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ được triển khai thực hiện trong năm học	khoa học công nghệ về việc được phê duyệt nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia mở mới trong năm học (10 điểm). - Quyết định cấp giấy chứng nhận giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học trong năm học; Quyết định giải thưởng khoa học công nghệ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên trong năm học; Quyết định/Chứng nhận giải thưởng của Quốc tế về khoa học công nghệ (20 điểm). - Thuyết minh nhiệm vụ/hồ sơ dự án khoa học công nghệ hợp tác nghiên cứu chung với nước ngoài; Thỏa thuận hợp tác với đối tác quốc tế về khoa học công nghệ. Minh chứng triển khai hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ được triển khai thực hiện trong năm học. Thuyết minh/hợp đồng/Dự án hợp tác nghiên cứu chung với đối tác quốc tế (10 điểm).		
3.2.5	Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác phẩm; hợp đồng tư vấn, hợp đồng chuyển giao công nghệ được cấp mới hoặc ký kết mới trong năm học. - Nhóm nghiên cứu có quyết định thành lập của trường triển khai nhiệm vụ nghiên cứu mới theo hướng đã xác định trong năm học; triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo trong nghiên cứu khoa học gắn với hợp tác doanh nghiệp trong năm học.	- Danh mục các bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác phẩm được chấp nhận đơn hoặc được cấp bằng độc quyền trong năm học (có xác nhận của đơn vị) kèm theo bản photo công văn được chấp nhận đơn hoặc bằng độc quyền đã được cấp trong năm học (20 điểm). - Danh mục các hợp đồng tư vấn, hợp đồng chuyển giao công nghệ được ký trong năm học (có xác nhận của đơn vị), kèm theo bản photo hợp đồng (10 điểm). - Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu ; thuyết minh nhiệm vụ nghiên cứu của nhóm trong năm học (10 điểm)	40	
3.3	Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bảo đảm an toàn trường học		50	P.Công tác sinh viên
3.3.1	Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.	- Kế hoạch triển khai các nội dung theo hướng dẫn năm học của Bộ. - Kế hoạch và kết quả công tác phát triển đảng viên trong sinh viên (Kế hoạch, số lượng sinh viên được tham gia học bồi dưỡng nhận thức về Đảng và được kết nạp Đảng).	15	

STT	TIÊU CHÍ THI ĐUA THEO 9 NHIỆM VỤ, 5 GIẢI PHÁP	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị cung cấp minh chứng
		- Kết quả tổ chức các hoạt động đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tham gia cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tuyên dương, tôn vinh các tấm gương sinh viên tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Kế hoạch và kết quả tổ chức Tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên. - Kết quả thực hiện việc đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên		
3.3.2	Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống , tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự trường học, trật tự an toàn giao thông.	- Kết quả bảo đảm an ninh trật tự trường học. - Kết quả việc triển khai công tác phối hợp liên ngành với cơ quan công an địa phương thực hiện Thông tư liên tịch 06/2015/TT-LT giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Công an (Kế hoạch, quy chế phối hợp, giao ban, phối hợp kiểm tra,..). Xây dựng được mô hình trường học an toàn. - Kế hoạch và kết quả công tác giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học. - Kế hoạch hoạt động nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên, giảng viên và sinh viên - Kết quả xử lý các vụ việc an ninh trật tự xảy ra (nếu có);	15	
3.3.3	Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ứng xử văn hóa và các hoạt động câu lạc bộ, hoạt động văn hóa, văn nghệ, phong trào sinh viên tình nguyện và công tác Đoàn trong trường học	- Kế hoạch và kết quả thực hiện Quyết định 1501/QĐ-TTg và Quyết định 1299/QĐ-TTg. Tổ chức báo cáo chuyên đề về giáo dục đạo đức, lối sống, ứng xử văn hóa cho sinh viên. - Mô hình giáo dục đạo đức, lối sống tiêu biểu; - Kết quả tham gia các cuộc thi văn hóa, văn nghệ; các diễn đàn, tọa đàm về đạo đức, lối sống, văn hóa trong trường học do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì; do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung ương Đoàn phối hợp triển khai.	10	

STT	TIÊU CHÍ THI ĐUA THEO 9 NHIỆM VỤ, 5 GIẢI PHÁP	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị cung cấp minh chứng
		- Kế hoạch triển khai hướng dẫn sinh viên khai thác, sử dụng thông tin trên Internet, mạng xã hội cho sinh viên phục vụ việc học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí lành mạnh. - Kết quả tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ báo cáo viên, cán bộ cốt cán phụ trách công tác giáo dục đạo đức, lối sống. - Văn bản triển khai quy định/quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học. - Kế hoạch triển khai Chương trình phối hợp giữa ngành Giáo dục với Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh theo năm học: kết quả hoàn thiện chế độ chính sách cho cán bộ Đoàn, Hội; - Kết quả tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, chiến dịch Mùa hè xanh, chương trình Tiếp sức mùa thi - Kết quả hoạt động Câu lạc bộ sinh viên, đặc biệt là các câu lạc bộ Tiếng Anh, rèn luyện kỹ năng mềm.		
3.3.4	Tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và dịch vụ sinh viên. Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng hướng nghiệp	- Có bộ phận chuyên trách công tác tư vấn, hỗ trợ và dịch vụ sinh viên hoạt động hiệu quả. - Kết quả thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với sinh viên. - Kết quả hoạt động hỗ trợ học bổng cho sinh viên xuất sắc, khó khăn. - Kết quả phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tư vấn việc làm.	10	
3.4	Công tác giáo dục thể chất		50	-Phòng Đào tạo đại học - Khoa Sư Phạm
3.4.1	Công tác giáo dục thể chất, y tế trường học và có phong	Kế hoạch và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học;	10	

STT	TIÊU CHÍ THI ĐUA THEO 9 NHIỆM VỤ, 5 GIẢI PHÁP	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị cung cấp minh chứng
	trào thể thao phát triển.			
3.4.2	Có ít nhất 80% tổng số học sinh, sinh viên được kiểm tra đánh giá xếp loại thể lực.	Dữ liệu học sinh và kết quả kiểm tra, đánh giá thể lực của từng học sinh được cập nhật trên phần mềm.	10	
3.4.3	Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Nhà giáo làm công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học; tham gia các hoạt động thi đấu thể thao cho học sinh, sinh viên.	Kế hoạch tập huấn và kết quả tham gia các hoạt động thi đấu thể thao	10	
3.4.4	Đảm bảo sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao; hoạt động câu lạc bộ thể thao cho học sinh, sinh viên.	- Số liệu danh mục cơ sở vật chất: nhà tập, sân tập, dụng cụ tập luyện; số liệu câu lạc bộ thể thao.	10	
3.4.5	Cơ sở giáo dục có cán bộ y tế trường học; có công trình nước sạch, công trình vệ sinh.	- Danh sách cán bộ y tế; - Danh mục công trình vệ sinh, nước sạch.	10	
3.5	Công tác giáo dục quốc phòng – an ninh		50	TT. Giáo dục Quốc phòng – An ninh
3.5.1	Công tác quân sự, quốc phòng: - Công tác lãnh, đạo chỉ đạo nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh. - Hoạt động của Ban Chỉ huy, cán bộ làm công tác quân sự cơ quan, đơn vị. - Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh cho các đối tượng.	- Nghị quyết lãnh đạo công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh của cơ quan, đơn vị - Kế hoạch công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh; hướng dẫn thực hiện công tác quân sự, quốc phòng, giáo dục quốc phòng và an ninh; Quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy quân sự, cán bộ làm công tác quân sự, lực lượng tự vệ của cơ quan, đơn vị. - Hệ thống văn kiện công tác quân sự, quốc phòng của cơ quan, đơn vị; - Kết quả huấn luyện, hội thao, diễn tập lực lượng tự vệ của cơ quan, đơn vị, các đợt tập huấn công tác quân sự quốc phòng, phòng chống khủng bố do Bộ tổ chức. - Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ tiêu, kế hoạch của Hội đồng Giáo dục quốc phòng an ninh các cấp và kết quả thực hiện;	10	
3.5.2	Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh:	- Nội dung lãnh đạo quốc phòng an ninh trong Nghị quyết	40	

STT	TIÊU CHÍ THI ĐUA THEO 9 NHIỆM VỤ, 5 GIẢI PHÁP	MINH CHỨNG	Điểm đánh giá	Đơn vị cung cấp minh chứng
	- Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh. - Tổ chức dạy học. - Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên. - Tăng cường cơ sở vật chất, vũ khí trang thiết bị bảo đảm cho môn học.	năm học. - Hướng dẫn triển khai nhiệm vụ năm học. - Quy chế, quy định tổ chức dạy học giáo dục quốc phòng – an ninh; hợp đồng ký kết giảng dạy. - Kế hoạch tổ chức giảng dạy có môn học giáo dục quốc phòng – an ninh; - Kết quả tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định của Bộ; - Kết quả tham các đợt tập huấn do Bộ tổ chức; kế hoạch tập huấn cán bộ quản lý, giảng viên của đơn vị. - Số lượng trang thiết bị tối thiểu theo quy định của Bộ; kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị hàng năm; - Phòng học chuyên dùng, thao trường bãi tập; - Kho vật chất, đảm bảo an toàn; sổ sách đăng ký, quản lý, sử dụng trang bị, vũ khí, vật tư bảo đảm cho môn học giáo dục quốc phòng – an ninh; sổ sách đăng ký, quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ đúng quy định. - Kế hoạch kiểm, thanh tra, đánh giá chất lượng giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng – an ninh;		

4	Nhiệm vụ 4: Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh		100	-Phòng Đào tạo đại học - Khoa Ngoại Ngữ
4.1	Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 (Đề án Ngoại ngữ Quốc gia); kế hoạch hàng năm, các văn bản hướng dẫn nội bộ về việc triển khai thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia	- Kế hoạch giai đoạn 2017-2025 thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia được phê duyệt - Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ hàng năm được phê duyệt - Các văn bản hướng dẫn nội bộ về việc thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia của nhà trường	10	
4.2	Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành nghề đào tạo (cho sinh viên chuyên và không chuyên ngoại ngữ)	Kế hoạch/lộ trình triển khai chương trình đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành nghề đào tạo và kết quả thực hiện	20	
4.3	Xây dựng, triển khai các chương trình môn chuyên ngành dạy bằng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh	Kế hoạch triển khai chương trình môn chuyên ngành dạy bằng ngoại ngữ được phê duyệt và kết quả thực hiện	20	
4.4	Phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên ngoại ngữ, đặc biệt là đội ngũ giảng viên tiếng Anh	Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên ngoại ngữ và kết quả thực hiện	20	
4.5	Đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh	- Văn bản hướng dẫn triển khai các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ, tổng kết đảm bảo chính xác, minh bạch, khách quan, công bằng và kết quả thực hiện - Tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo quy định của nhà trường năm 2020 tăng so với năm 2019	10	
4.6	Tổ chức phát động phong trào học Tiếng Anh, xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ trong các đơn vị	Kết quả thực hiện	20	
5	Nhiệm vụ 5: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo và quản lý		100	Trung tâm thông tin
5.1	Công tác tổ chức, bộ máy và công tác chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn: - Phân công lãnh đạo nhà trường phụ trách quản lý và triển khai nhiệm vụ CNTT trong cơ sở giáo dục; Giao đơn vị chuyên trách chủ trì triển khai nhiệm vụ CNTT trong cơ sở giáo dục.	- Kết quả thực hiện - Kế hoạch, quyết định phê duyệt Đề án của nhà trường. Văn bản quy chế của nhà trường - Báo cáo hàng năm	20	

	- Kế hoạch, đề án trung hạn (5 năm) và ngắn hạn (hàng năm) triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, giải pháp, lộ trình, nguồn lực và phương án tổ chức thực hiện. Ban hành quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống ứng dụng CNTT trong nhà trường. - Báo cáo tổng kết triển khai nhiệm vụ CNTT hằng năm gửi Bộ GDĐT (qua Phòng Chính sách CNTT, Cục CNTT trước ngày 20/12)			
5.2	Ứng dụng CNTT trong quản lý: - Triển khai hiệu quả phần mềm quản lý hành chính điện tử kết nối liên thông giữa các đơn vị trong cơ sở giáo dục (đối với các đại học quốc gia và đại học vùng, cần có kết nối giữa các trường đại học thành viên với đại học quốc gia và đại học vùng). - Thực hiện gửi nhận văn bản điện tử đầy đủ với Bộ GDĐT thông qua hệ thống quản lý hành chính điện tử (e-office) của Bộ GDĐT. - Triển khai phần mềm quản lý, điều hành nhà trường theo hướng tích hợp các mô đun, ứng dụng quản lý chuyên ngành thành giải pháp tổng thể đồng bộ như: quản lý đào tạo, quản lý khoa học, quản lý tài chính, quản lý cơ sở vật chất, quản lý sinh viên, quản lý sinh viên nội trú, ngoại trú ... - Triển khai các dịch vụ trực tuyến đơn giản hóa thủ tục hành chính phục vụ sinh viên, giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và các tổ chức, cá nhân khác. Trong đó đặc biệt triển khai các dịch vụ phục vụ sinh viên như: đăng ký học tín chỉ, tra cứu thông tin và kết quả học tập, các dịch vụ liên quan đến xác nhận của nhà trường, đóng học phí, dịch vụ liên quan đến thư viện, dịch vụ liên quan đến ký túc xá...; phục vụ giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý như: đăng ký đề tài, đăng ký công tác, đăng ký nghỉ phép, các dịch vụ liên quan đến xác nhận hồ sơ,...	- Tỷ lệ % văn bản được gửi liên thông giữa các đơn vị trong cơ sở giáo dục và giữa các trường đại học thành viên với đại học vùng qua hệ thống quản lý văn bản điều hành đạt tỷ lệ % lần lượt: 100/>75/>50/dưới 50. - Tỷ lệ % văn bản được gửi liên thông giữa cơ sở giáo dục và Bộ GDĐT qua hệ thống quản lý văn bản điều hành đạt tỷ lệ % lần lượt: 100/>75/>50/dưới 50 - Số lượng mô đun, ứng dụng tích hợp lần lượt: 20/ >15/ >10/ dưới 5 - Số lượng dịch vụ trực tuyến cung cấp và đạt tỷ lệ % số lượt phục vụ lần lượt: 100/>75/>50/dưới 50>0 - Số lượng các mục thông tin công khai theo quy định 3 công khai. - Số lượng/Tỷ lệ văn bằng, chứng chỉ cho phép tra cứu trực tuyến	35	

	- Thực hiện đầy đủ quy định 3 công khai trên cổng thông tin điện tử của trường. - Có công cụ tra cứu trực tuyến văn bằng, chứng chỉ do trường cấp			
5.3	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy – học, đánh giá, nghiên cứu khoa học: - Triển khai thư viện điện tử - Triển khai kho học liệu số trực tuyến dùng chung - Triển khai e-Learning - Có triển khai cổng kết nối cơ sở dữ liệu với các tạp chí bài báo nghiên cứu khoa học quốc tế và cung cấp tài khoản truy cập trực tuyến cho sinh viên, giảng viên, cán bộ nghiên cứu trong trường - Triển khai thư viện điện tử - Triển khai kho học liệu số trực tuyến dùng chung - Cung cấp mạng Internet qua wifi miễn phí, an toàn cho sinh viên, giảng viên, cán bộ nghiên cứu và quản lý trong khuôn viên nhà trường - Có phòng IT Lab phục vụ giảng dạy CNTT (đối với trường có đào tạo chuyên ngành CNTT) hoặc Phòng học đa chức năng phục vụ ứng dụng CNTT hỗ trợ dạy – học trên lớp	- Tỷ lệ học liệu số cập nhật mới hàng năm - Văn bản chỉ đạo, tỷ lệ khóa e-Learning trên tổng số sinh viên đang học - Số lượng cơ sở dữ liệu các tạp chí có kết nối. Tỷ lệ tài khoản cung cấp so với tỷ lệ sinh viên, giảng viên, cán bộ nghiên cứu. - Mạng wifi được cung cấp. Có giải pháp bảo mật tài khoản truy cập - Số lượng phòng IT, phòng học đa chức năng	25	
5.4	Các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT: - Thiết bị và hạ tầng CNTT - Nhân lực sử dụng CNTT	- Triển khai giải pháp ứng dụng CNTT tổng thể trong nhà trường theo hướng: dùng chung hệ thống quản lý người dùng (Single Sign-On), dùng chung nền tảng hoặc có giải pháp kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống (đang tồn tại), sử dụng các danh mục dữ liệu dùng chung, đảm bảo hạ tầng hoạt động và an toàn an ninh thông tin. - Hạ tầng, thiết bị CNTT đồng bộ, đủ mạnh (máy chủ, đường truyền, cân bằng tải, bảo mật, sao lưu dữ liệu, đảm bảo an toàn an ninh thông tin...) đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng CNTT hỗ trợ quản lý, dạy – học, nghiên cứu khoa học trong nhà trường. - Có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng	20	

		lực CNTT cho giảng viên, cán bộ quản lý hàng năm; Có kế hoạch bồi dưỡng trực tuyến cho giảng viên, cán bộ quản lý hàng năm. - Số giảng viên đạt chứng chỉ kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông (hoặc tương đương). - Số lượt cán bộ quản lý, nhân viên, giảng viên được tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn thông tin. - Số lượt giảng viên được tham dự tập huấn chuyên môn qua mạng. - Số lượng giảng viên ứng dụng Công nghệ thông tin dạy học trên lớp học. - Số lượng giảng viên có thể soạn bài giảng e-learning, sử dụng phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, phần mềm dạy học.		
6	Nhiệm vụ 6: Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở đào tạo		100	Phòng Tổ chức cán bộ
6.1	Thành lập Hội đồng trường, tổ chức hoạt động theo quy định	Quyết định thành lập hội đồng trường, Quy chế tổ chức hoạt động của hội đồng trường và kết quả thực hiện	30	
6.2	Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính nội bộ, quy chế dân chủ của trường theo quy định	Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính nội bộ, quy chế dân chủ của trường và kết quả thực hiện.	20	
6.3	Xây dựng phương án tự chủ của trường theo quy định	Quyết định ban hành phương án tự chủ của trường, kết quả thực hiện.	30	
6.4	Phân cấp cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trường	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc.	20	
7	Nhiệm vụ 7: Hội nhập quốc tế trong GDĐT		100	P. KH&QHQT
7.1	- Xây dựng chiến lược HTQT trung hạn, kế hoạch HTQT hàng năm - Văn bản triển khai văn bản chỉ đạo về HTQT đối với các đơn vị cấp dưới	- Chiến lược HTQT trung hạn, kế hoạch HTQT hàng năm được Lãnh đạo ký ban hành. - Các văn bản của đơn vị triển khai chỉ đạo về hoạt động HTQT.	20	

7.2	Thỏa thuận, hợp tác với nước ngoài còn hiệu lực (dưới 5, từ 6 đến 10 và trên 10)	Danh sách thỏa thuận hợp tác còn hiệu lực	15	
7.3	Giảng viên và sinh viên nước ngoài tham gia giảng dạy và học tập tại trường diện ngắn hạn và dài hạn (dưới 1%, từ 1 đến 5% và trên 5%)	Số lượng giảng viên và lưu học sinh ở các nước theo chương trình, ngành học và quốc tịch.	15	
7.4	Giảng viên được gửi đi đào tạo, thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học tại nước ngoài (dưới 1%, từ 1 đến 3% và trên 3%)	Số lượng giảng viên theo chuyên môn và NCKH, trường đại học ở mỗi nước	20	
7.5	Có liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài (dưới 5, từ 6 đến 10 và trên 10)	Số lượng chương trình liên kết đào tạo và số sinh viên của mỗi ngành học	15	
7.6	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và có xin phép Bộ theo quy định; Quản lý tốt công tác đoàn quốc tế vào và đoàn đi công tác nước ngoài theo quy định của pháp luật	Danh sách văn bản cho phép việc tổ chức hội nghị, hội thảo và báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo; đoàn ra, đoàn vào và báo cáo kết quả các chuyến công tác.	15	
8	Nhiệm vụ 8: Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động GDDT		100	Phòng Cơ sở vật chất
8.1	Quy hoạch diện tích đất được duyệt đủ đáp ứng yêu cầu tuyển sinh	Văn bản phê duyệt quy hoạch quỹ đất dành cho giáo dục; chứng nhận sử dụng đất, giao đất, thuê đất đáp ứng theo quy định hiện hành	20	
8.2	Thực hiện các quy định về bảo dưỡng, đánh giá, cải tiến cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, CNTT và nguồn học liệu	Kế hoạch mua sắm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kết quả thực hiện	20	
8.3	Mạng lưới Công nghệ thông tin hiện đại và được đầu tư đồng bộ; có thư viện số hiện đại, kết nối được với các thư viện bên ngoài	- Danh mục máy móc, thiết bị mạng lưới Công nghệ thông tin và trung tâm thông tin- thư viện; Vốn tài liệu thư viện. - Văn bản phê duyệt các dự án của cấp có thẩm quyền	20	
8.4	Phòng thí nghiệm, phòng chức năng được đầu tư bổ sung mới, hiện đại	Kết quả thực hiện	20	
8.5	Ký túc xá sinh viên hiện đại, sạch sẽ và an toàn	Kết quả thực hiện	20	
9	Nhiệm vụ 9: Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao		100	
9.1	Gắn kết với doanh nghiệp, đào tạo theo nhu cầu xã hội, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên; thực hiện các chương trình đào tạo trình độ cao, chất lượng cao		50	Phòng Đào tạo Đại học
9.1.1	Sự tham gia của doanh nghiệp/đơn vị tuyển dụng trong quá trình xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập cho sinh viên và đánh giá đầu ra	Minh chứng sự tham gia của doanh nghiệp/đơn vị sử dụng vào xây dựng chương trình đào tạo	20	

	theo hướng phát triển năng lực người học và nhu cầu xã hội			
9.1.2	Thu thập và xử lý kết quả đánh giá của nhà sử dụng lao động đối với cựu sinh viên của trường, có so sánh với năm trước.	Kết quả đánh giá của nhà sử dụng lao động đối với cựu sinh viên kèm theo minh chứng	15	
9.1.3	Tăng cường đào tạo các chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế với các trường của các nước phát triển; số chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết tăng hơn so với năm trước	Quyết định đào tạo chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế	15	
9.2	Hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp		50	Đoàn TNCS HCM P.CTSV
9.2.1	Đưa khởi nghiệp vào chiến lược, kế hoạch phát triển của Trường	Văn bản, kế hoạch của nhà trường (có thể lồng ghép với văn bản khác)	10	
9.2.2	Tham dự Cuộc thi “HSSV với ý tưởng khởi nghiệp” do Bộ GDĐT tổ chức hoặc có dự án khởi nghiệp của sinh viên được thương mại hóa	Số lượng dự án tham gia, số dự án được thương mại hóa	10	
9.2.3	Chuyên đề về khởi nghiệp bắt buộc hoặc tự chọn trong chương trình đào tạo chính khóa hoặc ngoại khóa	Quyết định phê duyệt nội dung, chương trình đào tạo của nhà trường hoặc Quyết định mở lớp đào tạo, huấn luyện ngắn hạn cho sinh viên	10	
9.2.4	Số lượng cán bộ, giảng viên được đào tạo kiến thức kỹ năng khởi nghiệp	Thống kê số lượng cán bộ	10	
9.2.5	Hỗ trợ kinh phí và phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp hỗ trợ sinh viên về cơ sở vật chất, xây dựng không gian khởi nghiệp	Danh sách các doanh nghiệp đối tác, kết quả triển khai; không gian chung hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp	10	
10	Giải pháp 1: Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính về giáo dục đào tạo		150	
10.1	Công tác Pháp chế		50	P. Pháp chế Pháp chế
10.1.1	- Đối với Cụm 1: tổ chức pháp chế hoặc bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác pháp chế ở các đơn vị thành viên thuộc và trực thuộc - Đối với Cụm 2-6: Tổ chức pháp chế hoặc bố trí người làm chuyên trách công tác pháp chế	Quyết định thành lập hoặc Quyết định/ bảng phân công nhiệm vụ	10	
10.1.2	Góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị	Kết quả, số liệu và danh mục văn bản góp ý, kiến nghị	15	

	sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp quy định hiện hành			
10.1.3	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.	Kết quả, thống kê số lượng, hình thức các cuộc tuyên truyền, phổ biến	10	
10.1.4	Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành của nhà trường	Kết quả, số liệu, nội dung đã tổ chức thực hiện	15	
10.2	Công tác tổng hợp, thống kê, CCHC		50	P. Hành chính tổng hợp
10.2.1	Công tác xây dựng kế hoạch thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 giải pháp cơ bản của ngành Giáo dục	- Kế hoạch của đơn vị triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 giải pháp cơ bản của ngành Giáo dục (Chỉ thị về nhiệm vụ và giải pháp của ngành giáo dục theo năm học).	25	
10.2.2	- Thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ năm học trên hệ thống báo cáo trực tuyến tại http://csdl.moet.gov.vn - Cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác và Báo cáo thống kê giáo dục đúng quy định	- Cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu, thông tin thống kê giáo dục của đơn vị, báo cáo thống kê đúng hạn và không bị trả lại vì chưa đảm bảo yêu cầu.	25	
10.3	Công tác thanh tra, kiểm tra		50	P. Thanh tra Pháp chế
10.3.1	Xây dựng tổ chức thanh tra nội bộ theo quy định hoặc cán bộ làm công tác thanh tra.	Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thanh tra nội bộ	10	
10.3.2	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ hằng năm và tổ chức hoạt động thanh tra có hiệu quả.	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã phê duyệt; Kết luận, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra.	10	
10.3.3	Thực hiện đầy đủ việc báo cáo về công tác thanh tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng của trường theo định kì và theo yêu cầu của Thanh tra Bộ GD&ĐT.	Kết quả công tác thanh tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng.	10	
10.3.4	100% cán bộ làm công tác thanh tra được bồi dưỡng và có chứng chỉ nghiệp vụ thanh tra; tham gia đầy đủ các hội nghị tập huấn nghiệp vụ do Thanh tra Bộ tổ chức hằng năm.	Danh sách cán bộ thanh tra chuyên trách đã được bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, tập huấn, chứng chỉ đã được cấp.	10	
10.3.5	Có chế độ chính sách phù hợp đối với cán bộ thanh tra.	Quy chế chi tiêu nội bộ quy định và các văn bản quy định	10	

		của đơn vị ban hành có liên quan tới chế độ chính sách đối với cán bộ thanh tra.		
11	Giải pháp 2: Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý giáo dục: Tổ chức, triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ Hội đồng trường, Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu, trưởng phòng/ban, phó trưởng phòng/ban	Kế hoạch và kết quả cử cán bộ quản lý giáo dục tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý.	100	Phòng Tổ chức cán bộ
12	Giải pháp 3: Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục đào tạo		100	Phòng Kế hoạch Tài chính
12.1	Tỷ lệ giải ngân nguồn ngân sách nhà nước cấp cao; Tỷ lệ tạm ứng năm sau giảm so với năm trước	Kết quả thực hiện	10	
12.2	Triển khai các giải pháp tăng cường thu hút nguồn thu ngoài ngân sách cấp	Tổng nguồn thu năm sau cao hơn năm trước, mức trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tăng	10	
12.3	Ban hành và cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán	Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng/cập nhật và Biên bản tự kiểm tra tài chính, kế toán	10	
12.4	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và các báo cáo đột xuất khác	Các báo cáo đầy đủ nội dung, nộp đúng hạn	20	
12.5	Thực hiện đầy đủ kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán, thông báo xét duyệt quyết toán hằng năm	Kết quả thực hiện kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán, thông báo xét duyệt quyết toán hằng năm	15	
12.6	Ban hành và thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; xây dựng phương án sử dụng tài sản công trong trường hợp cho thuê, góp vốn liên doanh liên kết báo cáo Bộ phê duyệt; các báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình quản lý và sử dụng tài sản công	Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công và kết quả thực hiện	10	
12.7	Thực hiện đầy đủ các quy định trong mua sắm đấu thầu, cải tạo sửa chữa,... (lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, xây dựng giá gói thầu đảm bảo quy định, thực hiện đấu thầu đúng hồ sơ thầu được duyệt, không chia nhỏ gói thầu...); Không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, dự án đầu tư hoàn thành quá thời hạn	Kết quả thực hiện	15	
12.8	Tăng cường huy động các nguồn kinh phí đảm bảo công tác cải tạo sửa chữa, mua sắm thường xuyên phục vụ công tác chuyên môn; bố trí kịp thời vốn đối ứng theo các quyết định đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Kết quả thực hiện	10	

13	Giải pháp 4: Công tác quản lý chất lượng giáo dục		100	Phòng Quản lý chất lượng
13.1	Có kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm, tổ chức thực hiện đúng quy định.	Kế hoạch và kết quả triển khai công tác đảm bảo chất lượng giáo dục	10	
13.2	Thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng sau công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài	Kết quả việc thực hiện kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng sau khi hoàn thành tự đánh giá/ đánh giá ngoài	10	
13.3	Có chương trình đào tạo hoàn thành tự đánh giá và báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.	Báo cáo tự đánh giá được cập nhật và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh sách được cập nhật tại: https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx	10	
13.4	Cơ sở giáo dục đã được đánh giá ngoài hoặc được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước hoặc nước ngoài	Chứng nhận đạt công nhận kiểm định cơ sở giáo dục Danh sách được cập nhật tại: https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx	10	
13.5	Có ít nhất 10% chương trình đào tạo được đánh giá, công nhận bởi tổ chức đánh giá/ kiểm định chất lượng giáo dục trong nước hoặc nước ngoài và hoàn thành tự đánh giá ít nhất 20% chương trình đào tạo.	Chứng nhận đạt công nhận kiểm định chương trình đào tạo Danh sách được cập nhật tại: https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx	10	
13.6	Có cán bộ, giảng viên đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên hoặc được cấp thẻ kiểm định viên	Chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo kiểm định viên hoặc thẻ kiểm định viên	10	
13.7	Thực hiện việc kê khai các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trong đề án tuyển sinh và trên các phần mềm của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định; Các thông tin về hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục được đăng tải và cập nhật trên website của cơ sở giáo dục.	Thông tin có trên các phần mềm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên đề án tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trên website của cơ sở giáo dục	10	
13.8	Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong tổ chức các kỳ thi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức	Kết quả thực hiện	15	
13.9	Thực hiện tốt công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ theo quy định	Kết quả thực hiện	15	
14	Giải pháp 5 : Công tác truyền thông về giáo dục đào tạo		100	TT. Thông tin
14.1	Có bộ phận chuyên trách truyền thông.	Quyết định thành lập hoặc Quyết định/ bảng phân công	25	Đoàn TNCS

		nhiệm vụ		HCM
14.2	Website thường xuyên hoạt động, tương tác, cập nhật thông tin, có đường link với website Bộ.	Kết quả thực hiện	25	
14.3	Có Kế hoạch truyền thông năm học và chủ động quan hệ, phối hợp cung cấp thông tin cho báo chí	Kết quả thống kê và danh mục cơ quan báo chí phối hợp và kết quả thực hiện	25	
14.4	Tổ chức tập huấn báo chí, truyền thông nội bộ; phối hợp truyền thông chặt chẽ với Bộ	Danh sách tập huấn và kế hoạch phối hợp; kết quả thực hiện	25	
III	Tổng số điểm theo 9 nhiệm vụ, 5 giải pháp		1.900	
IV	Điểm thưởng		200	
V	Tổng số điểm		2.100	